

Bản án số: 24/2026/HS-ST
Ngày 13-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Huy Hoàng.

Bà Trương Thị Kim Chọn.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường An - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 451/2025/HSST ngày 12 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 452/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn H, phường N, tỉnh Thanh Hóa); chỗ ở: nhà không số, Ấp A, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là nhà không số, Ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 00/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị M; bị cáo có chồng và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25/4/2025 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

2. Trần Đình H, sinh năm 1984 tại Tiền Giang (nay là Đồng Tháp); giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Long An (nay là Ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh); chỗ ở: 266A2/11, Ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 266A2/11, Ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Minh N1 và bà Trần Thị H1; bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp

dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25/4/2025 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

3. Phùng Công D1, sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: 464A1/18 Ấp F, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 464A1/18 Ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: như trên; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phùng Tấn T và bà Đặng Thị Đ; Bị cáo có vợ và 02 người con sinh năm 2007 và 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25/4/2025 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

** Những người tham gia tố tụng khác: không.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/4/2025, Nguyễn Thị N, Trần Đình H và Phùng Công D1 đến bãi xe ô tô địa chỉ 313A/12, ấp C, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh ngồi ghế đá uống nước và nói chuyện với nhau. Sau đó, cả 3 rủ nhau chơi đánh bài phỏm ăn tiền. Cách thức chơi như sau: 03 người chia 03 tụ, mỗi tụ 09 lá bài, những lá bài từ 1 đến 10 sẽ tính điểm tương ứng, những lá bài J, Q, K sẽ được tính tương ứng với 11, 12, 13 điểm. Cuối cùng hạ phỏm nếu ai còn ít điểm nhất sẽ thắng 600.000 đồng, người có điểm thấp thứ hai sẽ thua nhì và chung cho người thắng 200.000 đồng, còn người nhiều điểm nhất sẽ thua ba và chung người thắng 400.000 đồng; nếu ai được phỏm (01 phỏm là 03 con giống nhau hoặc sảnh cùng nước) sẽ ù thường, các người chơi còn lại sẽ chung mỗi người 1.000.000 đồng, còn ù tròn (sau khi chia bài được 03 phỏm) mỗi người sẽ thua 1.500.000 đồng. Ai chia thì được 10 lá và đánh đầu tiên theo thứ tự đánh xoay vòng theo ngược chiều kim đồng hồ. Người đánh lá bài ra mà người tiếp theo ăn thì sẽ thua 200.000 đồng, ăn lá thứ hai thì 400.000 đồng, ăn lá thứ ba thì 600.000 đồng gọi là ăn chốt hạ. Đồng thời cả 03 còn thống nhất đá với nhau lá bài K mỗi lá 200.000 đồng (ai có lá bài K sẽ thắng 200.000 đồng/lá). Thỏa thuận xong, N, H, D1 bắt đầu tham gia đánh bạc được 02 ván, đến ván thứ ba khi vừa chia bài xong thì bị Công an xã A phát hiện bắt quả tang như nội dung nêu trên, cụ thể:

- Nguyễn Thị N mang theo số tiền 15.800.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang N thắng 400.000 đồng, bị thu giữ số tiền 16.200.000 đồng.

- Trần Đình H mang theo số tiền 3.600.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang H thắng 200.000 đồng, bị thu giữ số tiền 3.800.000 đồng.

- Phùng Công D1 mang theo số tiền 800.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang D1 thua 600.000 đồng, bị thu giữ số tiền 200.000 đồng.

Tổng số tiền dùng để đánh bạc của N, H, D1 là 20.200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 bộ bài tây đã qua sử dụng.
- 01 cái bàn bằng nhựa đã qua sử dụng.
- 03 cái ghế bằng nhựa màu đỏ đã qua sử dụng.
- Số tiền 20.200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị N, Phùng Công D1 và Trần Đình H sử dụng để đánh bạc.

Tại Cáo trạng số: 138/CT-VKS-HS ngày 09/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N, Phùng Công D1, Trần Đình H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Phùng Công D1 từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Đình H từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tây đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) cái bàn bằng nhựa đã qua sử dụng; 03 (ba) cái ghế bằng nhựa màu đỏ đã qua sử dụng và số tiền 20.200.000 (hai mươi triệu hai trăm nghìn) đồng thu giữ của Nguyễn Thị N, Phùng Công D1 và Trần Đình H.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung vụ án nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng án treo để có điều kiện đi làm chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên. Do đó

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Vào ngày 19/4/2025, tại bãi xe ô tô địa chỉ 313A/12, Ấp C, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị N, Phùng Công D1 và Trần Đình H có hành vi cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài phỏm ăn thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 20.200.000 đồng.

[2.2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi đánh bạc trái phép, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình nhưng vì vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: các bị cáo Nguyễn Thị N, Phùng Công D1, Trần Đình H phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và cần đưa các bị cáo ra xét xử và áp dụng hình phạt phù hợp để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến tính chất, mức độ phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho tương xứng.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng gia đình bị cáo N có tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét thấy, các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bên cạnh đó các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án

treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật; đồng thời, phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền nhất định để nộp ngân sách Nhà nước cũng đủ để răn đe giáo dục các bị cáo;

[5] Về xử lý vật chứng, đồ vật thu giữ:

- Đối với: 01 (một) bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tây đã qua sử dụng; xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) cái bàn bằng nhựa đã qua sử dụng; 03 (ba) cái ghế bằng nhựa màu đỏ đã qua sử dụng và số tiền 20.200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị N, Phùng Công D1 và Trần Đình H sử dụng để đánh bạc nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo cũng như đề nghị xử lý vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận ý kiến của các bị cáo xin được hưởng án treo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị N:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Thị N** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Đình H:

- Xử phạt bị cáo **Trần Đình H 01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bổ sung bị cáo **Trần Đình H** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Phùng Công D1**:

- Xử phạt bị cáo **Phùng Công D1 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bổ sung bị cáo **Phùng Công D1** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tây đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) cái bàn bằng nhựa đã qua sử dụng; 03 (ba) cái ghế bằng nhựa màu đỏ đã qua sử dụng và số tiền 20.200.000 (hai mươi triệu hai trăm nghìn) đồng thu giữ của Nguyễn Thị N, Phùng Công D1 và Trần Đình H.

(vật chứng trên Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận tang tài vật ngày 10/12/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh và G nộp tiền vào tài khoản Thi hành án dân sự Thành phố H ngày 12/12/2025).

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TPHCM (2);
- Cơ quan CSĐT Công an TP. HCM (1);
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10 - TPHCM (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TP. HCM (1);
- Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, TPHCM (2);
- Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, TPHCM (1);
- Bị cáo (3);
- Lưu Hồ sơ (1);
- Lưu VT (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thường Đông

